

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12/4/2022
Về việc: yêu cầu không công nhận
vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Xuân Hùng
2. Bà Trần Thị Bé Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 12/4/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2021 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/02/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-DS ngày 14/3/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-DS ngày 28/3/2022 giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: ấp B, xã Vị T, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Hồng S, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: ấp B, xã Vị T, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 11 năm 2021 nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và ông Lê Hồng S chung sống như vợ chồng từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu bà và ông Lê Hồng S chung sống

hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Hồng S.

Về con chung: Bà và ông Lê Hồng S có 02 con chung tên Lê Nguyễn Cẩm G, sinh ngày 06/3/1998 và Lê Nguyễn Hồng T1, sinh ngày 19/01/2002. Con chung đã trưởng thành có đầy đủ sức khỏe để tự lo cho bản thân nên không yêu cầu xem xét.

Về tài sản chung là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung không có nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Hồng S: Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị T đã nộp cho Tòa án bản sao giấy chứng minh nhân dân, bản sao sổ hộ khẩu, bản sao giấy khai sinh, đơn xin xác nhận.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông Lê Hồng S, bà và ông Lê Hồng S có tài sản chung nhưng bà và ông Lê Hồng S tự thỏa thuận bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có. Bị đơn ông Lê Hồng S vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với ông Lê Hồng S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Hồng S theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Lê Hồng S chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn là không phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên hôn nhân của bà Nguyễn Thị T và ông Lê Hồng S không có giá trị pháp lý, không được pháp luật thừa nhận. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T giữ nguyên yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông Lê Hồng S và ông Lê Hồng S vắng mặt không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của*

Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Do đó căn cứ vào quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử giải quyết việc bà Nguyễn Thị T và ông Lê Hồng S chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

[3]. Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Đương sự còn phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án và được kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 6, khoản 7 Điều 28, các Điều 35, 39, 91, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Lê Hồng S là vợ chồng.

- Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải nộp số tiền là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu tiền số 0002550 ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành án phí, bà Nguyễn Thị T không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày

kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục TAHDS huyện Vị Thủy;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Công TTĐT (để công bố);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thị Mỹ Trúc